

Số: 45/2021/QĐST-HNGĐ

Điện Biên phủ, ngày 09 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh T; địa chỉ: Đội 12, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ;
- Bà Đoàn Thị N; địa chỉ: Tổ 23, phường H, thành phố Đ, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về tài sản và nợ; việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và việc chịu lệ phí giải quyết việc dân sự; sự thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (*ngày 01/6/2021*), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N thuận tình ly hôn.
- Về con: Giao con chung Nguyễn Đoàn Bảo C, sinh ngày 08/6/2015 cho ông

Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản và nợ: Không có.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Đoàn Thị N chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo biên lai số 0001543 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã N, huyện ĐB (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **78/2018/QĐST-HNGĐ**

Điện Biên phủ, ngày 23 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, giữa:

- Anh **Bùi Quang Đức** – sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 213, tổ dân phố 11, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Chị **Vũ Thị Lua** - sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 213, tổ dân phố 11, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn ngày 15 tháng 10 năm 2018;

XÉT THẤY:

Anh Đức và chị Lua thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; hai bên đã thỏa thuận được với nhau về con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ; sự thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của người vợ;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về việc này.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Quang Đức và chị Vũ Thị Lua.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Quang Minh – sinh ngày 10/5/2005 và Bùi Minh Châu – sinh ngày 04/10/2009 cho chị Vũ Thị Lua trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Quang Đức cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Minh là 5.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2018. Phương thức cấp dưỡng: mỗi năm anh Đức cấp dưỡng một lần với số tiền 5.000.000 đồng x 12 tháng = 60.000.000 đồng/năm.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

- Về lệ phí: Anh Bùi Quang Đức chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0002043 ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;

- Chi cục THADS TPĐBP;

- Người yêu cầu;

- UBND phường Him Lam, TP
ĐBP;

THẨM PHÁN

Phan Văn Khanh

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Kế toán;
- Lưu VP.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].